

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v “*tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Bà Hoàng Thị Huyền.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Bà Lê Đặng Thị Ngọc P**, sinh năm: 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: 11/11A ấp Tân Hòa, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- **Bà Trần Thị N**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Q 06 TH, ấp Phước Thiện, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Địa chỉ mới: K 51, tổ 11, ấp Phước Hương, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn bà Lê Đặng Thị Ngọc P trình bày:** Vào ngày 18/7/2019 bà P có cho bà Trần Thị N vay số tiền 400.000.000đ với lãi suất 6%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 08/12/2019 âm lịch. Ngày 08/10/2019 bà N vay bà P thêm 300.000.000đ, lãi suất 6%/tháng thời hạn trả nợ là ngày 08/4/2020. Bà N chỉ đóng lãi suất cả 02 khoản nợ trên đến tháng 1 năm 2020 thì không đóng nữa và cũng không trả tiền gốc cho bà P. Bà P đã nhiều lần yêu cầu bà N đóng tiền lãi suất cũng như hoàn trả nợ gốc nhưng bà N không thực hiện. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà P số nợ gốc còn thiếu của 02 khoản vay trên là 700.000.000đ và không yêu cầu lãi suất.

**Về phía bị đơn:** Bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên bà N đều vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Ngày 02-6-2020 Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Trần Thị N, kết quả xác minh bà Trần Thị N hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ Q 06 TH, ấp Phước Thiện, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; tuy nhiên hiện nay địa chỉ trên đã đổi thành số K 51, tổ 11, ấp Phước Hương, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tòa án đã cho tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị N trong giấy mượn tiền ngày 08-10-2019 và giấy mượn tiền ngày 18-7-2019, mẫu so sánh là hợp đồng vay tiền có chữ kí và chữ viết của bà Trần Thị N được văn phòng công chứng Phạm Văn Hải chứng thực ngày 19-8-2019. Ngày 15-5-2020 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ban hành kết luận giám định số 503/PC 09-Đ2 kết luận chữ ký dạng chữ viết “N” và chữ viết mang tên “Trần Thị N” trên mẫu cần giám định so với chữ viết của bà Trần Thị N trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

***Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- **Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn bà Trần Thị N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án còn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N.

- **Về nội dung:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Đặng Thị Ngọc P; buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc còn thiếu là 700.000.000đ

Án phí: Do yêu cầu của bà Lê Đặng Thị Ngọc P được chấp nhận toàn bộ nên bà Trần Thị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị N đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Lê Đăng Thị Ngọc P khai vào ngày 18/7/2019 bà P cho bà Trần Thị N vay số tiền 400.000.000đ với lãi suất 6%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 08/12/2019 âm lịch. Ngày 08/10/2019 bà N vay thêm bà P 300.000.000đ, lãi suất 6%/tháng thời hạn trả nợ là ngày 08/4/2020. Bà N chỉ đóng lãi cả 02 khoản nợ trên đến tháng 01-2020 thì không tiếp tục đóng lãi nữa và cũng không trả tiền gốc cho bà P. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà P số nợ gốc còn thiếu của 02 khoản vay trên là 700.000.000đ và không yêu cầu lãi suất.

Ngày 15-5-2020 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ban hành kết luận giám định số 503/PC 09-Đ2 kết luận chữ ký dạng chữ viết “N” và chữ viết mang tên “Trần Thị N” trên mẫu cần giám định so với chữ viết của bà Trần Thị N trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Như vậy đã đủ căn cứ xác định bà Trần Thị N đã kí tên vào 02 giấy mượn tiền ngày 18/7/2019 và ngày 08/10/2019. Như vậy qua xem xét lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà N vay bà P tổng số tiền 700.000.000đ trong 02 giấy mượn tiền trên là có căn cứ.

Khoản vay ngày 08-10-2019, hạn trả nợ là tháng 4 năm 2020, tuy nhiên đến tháng 3 năm 2020 bà P đã khởi kiện đòi lại khoản nợ này. Xét lời khai của bà P cho rằng đối với khoản nợ này bà N chỉ đóng lãi suất đến tháng 01 năm 2020 thì không trả lãi suất nữa. Như vậy việc bà N không đóng lãi suất là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P. Tại thời điểm giải quyết vụ án và tại thời điểm xét xử khoản vay này cũng đã quá thời hạn trả nợ nên việc bà N đòi lại số nợ đối với khoản vay này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N tuy nhiên bà N không có bất kỳ phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà P về số nợ trên nên không có căn cứ cho rằng bà N đã trả nợ cho bà P. Như vậy toàn bộ yêu cầu của bà P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà N phải trả cho bà P tổng số nợ gốc là 700.000.000đ.

- Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện bà Lê Đăng Thị Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị N phải trả số tiền lãi suất theo quy định; tuy nhiên tại các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa ngày hôm nay bà P không yêu cầu bà N trả lãi suất, xét

đây là sự tự nguyện của bà P, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận, cần đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi suất của bà P.

[4] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của bà Lê Đăng Thị Ngọc P được chấp nhận toàn bộ nên bà Trần Thị N phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 2.550.000đ. Bà P đã tạm ứng chi phí này nên bà N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà P số tiền trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Lê Đăng Thị Ngọc P được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 700.000.000đ là  $20.000.000đ + 4\% (300.000.000đ) = 32.000.000đ$  (ba mươi hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

### Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Đăng Thị Ngọc P:

**1.** Bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Đăng Thị Ngọc P số tiền nợ gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Đăng Thị Ngọc P đối với yêu cầu về lãi suất trong đơn khởi kiện.

**2. Về chi phí giám định:** Bà Trần Thị N phải nộp chi phí giám định là 2.550.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Lê Đăng Thị Ngọc P đã tạm ứng chi phí này nên bà N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà P số tiền 2.550.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

**3. Về án phí:** Bà Trần Thị N phải nộp 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Đăng Thị Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000289 ngày 06-3-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (03-9-2020); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thu Hiền**